

Bản án số: 26/2020/HNGĐ- ST

Ngày 25/02/2020

“Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Thái Thịnh.
2. Bà Ma Thị Thu Loan

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Thủy - Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Trần Hà Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 25/02/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 414/2020/TLST- HNGĐ, ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 21/01/2020; quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 07/02/2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **chị Đinh Thị N, sinh năm 1987**– Địa chỉ và nơi làm việc: thôn Đ, xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

- **Bị đơn:** **anh Tô Văn H, sinh năm 1990** – Địa chỉ và nơi làm việc: thôn T, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

(chị N có mặt; anh H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đinh Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H kết hôn có tổ chức cưới hỏi theo phong tục, có đăng ký kết hôn ngày 27/4/2018 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang theo đúng quy định của pháp luật. Khi kết hôn cả hai đều tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn L (nay là thôn T), xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu

thuần là do anh H không lo toan đến cuộc sống gia đình, không có trách nhiệm vợ con, từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến cãi chửi nhau, cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng. Sau đó do căng thẳng nên chị sống ly thân với anh H từ tháng 7/2019 đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh H, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Tô Văn H.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là cháu Tô Quang M, sinh ngày 01/3/2019, hiện nay cháu M đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con và không cần anh H cấp dưỡng.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: anh chị không có.

Quá trình giải quyết vụ án, anh H cố tình trốn tránh, giấu địa chỉ. Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Do đó Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện S phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên toà, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị N; xử cho chị Đinh Thị N được ly hôn với anh Tô Văn H. Giao cháu Tô Quang M, sinh ngày 01/3/2019 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Các quan hệ về tài sản, đất đai, vay nợ không có tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị N và anh H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện S, vì vậy là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy, anh H là lao động tự do đi làm ở các địa phương khác nhau

nhưng vẫn thường xuyên đi về nhà, hiện tại vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại thôn T, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện S.

[3] Anh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thị N, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của anh H xác định: chị N và anh H kết hôn vào năm 2018. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống tại thôn L (nay là thôn T), xã Q, huyện S. Quá trình chung sống tại nơi cư trú, chính quyền địa phương chứng kiến việc chị N và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, sau đó khoảng từ giữa năm 2019 chị N đưa con đi ở nơi khác, không chung sống cùng anh H nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể địa phương không nắm được. Các giấy tờ của Tòa án tổng đạt địa phương đã giao cho anh H theo quy định.

Bản thân chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H, không thể quay về đoàn tụ được, trong suốt quá trình sống ly thân hai anh chị không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án anh H không hợp tác để hòa giải thể hiện không có mong muốn đoàn tụ. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị N là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: chị N và anh H có 01 con chung là cháu Tô Quang M, sinh ngày 01/3/2019, hiện nay cháu M chưa đầy 1 tuổi, đang ở cùng chị N vì vậy nên giao cháu M cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên anh H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: chị N xác định không có nên không xem xét.

[7] Về án phí: chị N phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh H không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị N về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với anh Tô Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Đinh Thị N được ly hôn anh Tô Văn H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Tô Văn Minh, sinh ngày 01/3/2019 cho chị Đinh Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Anh Tô Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Đinh Thị N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số N^o 0004319 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Anh Tô Văn H không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/02/2020), vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS dân sự huyện S;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Toàn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA

Vũ Thái Thịnh – Ma Thị Thu Loan

Nguyễn Văn Toàn

